

ĐỀ LỊ TAM MUỘI DA BẤT ĐỘNG TÔN THÁNH GIẢ
NIỆM TỤNG BÍ MẬT PHÁP
QUYỂN TRUNG

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiên_Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG Phụng
Chiếu dịch

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Phục hồi Phạm Chú: HUYỀN THANH CĂN BẢN CHÂN NGÔN
PHẨM THỨ HAI

Trong Kinh **Tam Muội Da** lược nói: **Vô Động Minh Vương Căn Bản Bí Yếu thành tựu hết thấy sự nghiệp** vì muốn cho các người tu hành hiển phát **Thật Trí** của chư Phật. Chư Phật Ứng Chánh Đẳng Giác ba đời đều do thành tựu **Đà La Ni Môn, Tam Ma Địa Môn** ở dưới cây **Bồ Đề** hiện chứng **Tối Thắng Tam Giải Thoát Môn** đầy đủ **hết thấy Trí** (nhất thiết Trí)

Thích Sư Tử (‘Sàkya-simha) kia do được **Vô Tỷ Đại Minh Chú Tạng**, cho nên hay tột phục ma quân lợi lạc hết thấy. Thế nên người có Trí an Tâm trong sự bí mật của Môn này làm **Hạnh**, cần phải tịnh **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) tu hành Pháp này mau được thành tựu hết thấy Trí

Ta, Bạc Già Phạm Đại Nhật Thế Tôn lại vì hết thấy người tu Chân Ngôn. Vì muốn trừ chướng cho nên trụ ở **Hỏa Sanh Tam Muội** nói **Đại Tội Chướng Chân Ngôn** này. Oai thế của **Bí Mật Minh** này hay trừ hết thấy mọi loại chướng nạn của hữu tình, cho đến **Phật Đạo** (Buddha-màrga) dưới cội **Bồ Đề**, dùng sức của Chân Ngôn này cho nên hết thấy Ma quân không có gì chẳng tan hoại, hướng chỉ là hết thấy các Chướng của Thế Gian.

Lại minh họa Chướng này, lược có hai loại.

1_ **Nội Chướng** (chướng bên trong) là từ Tâm của mình sanh ra, loại ấy rất nhiều không thể nói hết.

2_ **Ngoại Chướng** (chướng bên ngoài) từ bên ngoài mà sanh ra, loại ấy cũng rất nhiều, nên dùng lời thiết yếu đều hay trừ Chướng vậy.

Liên nói **Đại Tội Chướng Thánh Giả Bất Động Minh Vương Oai Nộ Minh** là:

“**Nãng ma tam mãn đá phạ nhật ra nãm(1) dát ra-tra, a mô già chiến nũa (2) ma ha lộ sái ninh (3) sa-phả tra dã, hồng (4) dát ra ma dã, dát ra ma dã (5) hồng, dát ra tra ham hàm (6)**”

矧休 屹互阢 櫟忝冊 泣誑 晒伏千 弋汜 互扣 勿好仕 剗誑儻 獨 泣互儻
泣互儻 獨 泣誑 訓 施

*) NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆAM_ TRÀṬ_ AMOGHA CAṆḌA MAHÀ ROṢAṆA SPHAṬYA HÙM TRÀMAYA TRÀMAYA HÙM TRÀṬ HÀM MÀM

_ **Bí Mật Thích** nói rằng:

Năng ma tam mãn đá phạ nhật ra nẫm (NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆAM): Quy mệnh khắp cả **Phần Nộ Kim Cang Vương** (Krodha-vajra-ràja)

Đát ra tra (TRÀṬ): Tàn hại phá Chướng.

A mô già chiến nũa (AMOGHA CAṆḌA): sự cùng cực trong sự cực ác của **Bất Không Oai Nộ**, là hình trạng bạo ác không có gì vượt qua được, cho đến các Chướng của hết thủy Thế Gian khiến cho không có dư sót. Là ác trong ác vậy.

Ma ha lộ sái ninh (MAHÀ ROṢAṆA): Đây là **Đại Nộ**, rất phần nộ bạo ác trong sự cực ác, tức là **Đệ Nhất Nghĩa** (Chân Lý tối cao) của chư Phật, oai mãnh tàn hại Thế Gian tận sào huyết Định, nhập vào **Pháp Giới** (Dharma-dhātu), quy y **Kim Cang Giới** (Vajra-dhātu)

Sa-phả tra dã (SPHAṬYA): Phá hoại

Hồng (HÙM): Khủng bố

Đát ra ma dã (TRÀMAYA): kiên cố, bền chắc

Hồng, đát ra tra (HÙM TRÀṬ)

Ham hàm (HÀM MÀM): Chủng Tử

Dùng hai chữ sau làm **Chủng Tử** (Bija), trong nghĩa của các câu đều hay thành sự nghiệp.

Đầu tiên, **Chiến Nũa** (弋沚:CAṆḌA) nghĩa là chết, vào **A Tự Môn** (晒_A) tức là nghĩa *không có sanh tử*

Đồ (毛:DA) nghĩa là **Chiến** (đánh nhau), dùng vua **Đại Thế** không có sanh tử này cùng với các **bốn Ma** đánh nhau vậy.

Tiếp đến **Ma** (𠵼:MA) nghĩa là **Ngã** (cái tôi), vào **A Tự Môn** tức là **Vô Ngã** (không có cái tôi), cũng là **Không Tam Muội** ('Sùnya-samàdhi) vậy

Chữ **Lô** (𠵼:RO) có chữ **La** (𠵼:RA) là nghĩa của Cấu Chướng làm Thế. Có tiếng **Ổ** (𠵼:U) là **Tam Muội** (Samàdhi), tức **Xa Ma Tha** ('Samatha: Thiền Chỉ) làm **Đại Tam Muội** vậy

Ninh (仕:NA) nghĩa là **Chiến** (đánh nhau), vào **A Tự Môn** tức **Đại Không Tam Muội**

Tát (屹:SA) nghĩa là cứng bền (kiên)

Phả (民:PHA) nghĩa là bọt nước, biết Pháp của Thế Gian như đồng bọt, cho nên dễ phá hoại. Bên cạnh có điểm của chữ A (氏:PHÀ) tức là **Hành**

Tra (誑:T) nghĩa là **Chiến** (đánh nhau), hay đánh phá Chướng đáng sợ, khiến cho bị phá nát.

Dã (儼:YA) nghĩa là **Thừa** (Yàna)

Hồng (獨:HUM) là Đại Không Tam Muội

Như bên trên nói **Đát** (凹: TA) là **Như** (Tatha), **La** (撻:RA) là không có dơ, **Tra** (誑:T) là tạo làm. Ấy là *tất cả Pháp không có tạo làm*

Bên trên chữ **Ham** (誨:HAØMỈ) có điểm không, nghĩa là Viên Tịch, cũng gọi là **Đại Không Trí** (Mahà-'sùnya-jñàna)

Vào **Ha Tự Môn** (HA) nghĩa là **Hạnh**, lại có tiếng A (扣:HÀ), nên là **Bố Ma Chướng Kim Cương Tam Muội Hạnh**

Dã (儼:YA) tức là Đại Không, dùng Hạnh **Đại Không Bất Động** khứng bố tất cả Ma Chướng

Chữ **Hàm** (MÀM: 𪛗) cũng gọi là **Đại Không Trí**. Vì **Ma Tự Môn** (𪛗:MA) nghĩa là **Ngã** (cái tôi), do vào A Tự Môn nên là **Vô Ngã** (không có cái tôi). Ấy là *tất cả Pháp vốn không có sanh diệt*. Lại dùng **Đại Không Vô Ngã Tam Muội** mà khứng bố chúng Ma, do chữ này cũng có tiếng A (A) với **dã** (YA) vậy

A (A-挑) **Loã** (RO-刼) **Ham** (HAØMỈ-戠) **Haøm** (MAØMỈ-𪛗). Boán chöõ nøy ñeàu còu tieáng A, töüc khuông boá Ma laàn nõõa khién cho raát sôi haõi. Töüc laø nghóa phaù hai chöõùng bên trong bên ngoaøi.

Keát Tam Muoãi xong, lieàn töõùng toaøn thaân cuõa mình thaønh chöõ **Lam** (劣:RAMỈ). Chöõ nøy töõùng thaønh gioáng nhö maøu löõa töø Chöõ phaùt ra löõa nõng böüc saùng röïc thieâu ñoát ba ñoác Phieàn Naõo vôùi Tuøy Phieàn Naõo trong Thaân, moät thôøi thieâu ñoát heát thì löõa cuõng tuøy dieät, chæ cøøn chöõ **Lam** (劣) thaønh maët traêng saùng ngay trong traùi tim.

Khi tác Quán đấy thì chẳng nên trụ lâu, mau chuyển **Huệ Tâm** khiến cho điều ấy thành tự.

TẮM GỘI, KẾT HỘ THÂN _PHẨM THỨ HAI_

1_ Vô Động Kim Cang Cực An Ổn Hộ Thân Ấn Minh.

Trước tiên lấy 2 ngón út xoa nhau bên trong, lộ ra nơi hở khẩu của ngón cái. Kèm dựng 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh giao nhau ở lưng ngón giữa. Dem hai ngón trở đều nắm ngón vô danh, dựng 2 ngón cái vịn lóng giữa của ngón giữa.

Minh là:

“**Nặng ma tam mạn đa bột đà năm (1) Úm (2) hạ ra hạ ra (3) ma ha nễ nhĩ đa hồng phán tra (4)**”

矧休 屹互阢 蓑渭脩 𪛗 互扣啐蛛眊 獨 儻誑

*) NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ OM HARA HARA MAHĀ-NIRJITA HŪM PHAT

Bấy giờ Vô Động Thánh Giả nói Pháp **tắm rửa** có 2 loại: Một là **Nội Tịnh**, hai là **Ngoại Tịnh**.

Một là **Nội Tịnh** (làm sạch bên trong): đối với các chúng sanh khởi Tâm **Tù, Bi, Hỷ, Xả** Tâm thanh tịnh vô ngã.

Hai là **Ngoại Tịnh** (làm sạch bên ngoài): dùng nước tắm rửa, hoặc ở trong sông. Trước tiên kết **Tam Muội Da Ấn** để trên đỉnh tụng Minh ba biến, liền dùng **Chữ Ấn Minh** hộ thân rửa các thứ dơ bẩn, rồi mới có thể **Kết Giới** làm sạch nước với đất, lại dùng **Chữ Ấn Minh**.

2_ Vô Động Kim Cang Tẩy Dục Kết Hộ Bát Phương Ấn Minh.

Co Thiền Độ (ngón cái trái) vào lòng bàn tay, nắm lại làm quyền. Dựng một mình Tiến Độ (ngón trỏ trái) như ngọn núi Kim Cang, chuyển 3 lần. Chuyển theo bên phải thành **Kết Giới**, chuyển theo bên trái thành **Giải Giới** với **Tịch Trừ**

Minh là:

“Úm, hàm hồng, ma ha hử ma bạn đà nễ, bàn đà hồng, bàn đà phạ nhật-ra phạ nhật-lê nễ, hồng phán tra”

𑖀𑖡𑖣 𑖤𑖥 𑖧𑖨 𑖩𑖪 𑖬𑖭 𑖮𑖯 𑖱𑖲 𑖳𑖴 𑖵𑖶 𑖷𑖸 𑖹𑖺 𑖼𑖽 𑗀𑖿 𑗁𑗂 𑗃𑗄 𑗅𑗆

OMĪ HAØMĪ HUØMĪ, MAHAØ-'SĪMA-BANDHANI BANDHA HUØMĪ
BANDHA-VAJRA VAJRINIĪ HUØMĪ PHATĪ

3_ Vô Động Kim Cang Tẩy Dục Tịnh Thủy Ấn Minh.

Co Thiền Trí (2 ngón cái) vào lòng bàn tay của **Định Huệ** (2 tay) dùng Ấn quấy nước, trừ các Chướng

Minh là:

“Năng ma tam mạn đá phạ nhật-ra xá (1) đát-ra tra, a mô già chiến đồ (2) ma ha rô sái nũa (3) tát-phả tra da hồng (4) đát-ra bà da đát-ra bà da, hồng đát lộ-tra, hồng đát lộ tra”

𑖀𑖡𑖢 𑖣𑖤 𑖥𑖦 𑖧𑖨 𑖩𑖪 𑖫𑖬 𑖭𑖮 𑖯𑖰 𑖱𑖲 𑖳𑖴 𑖵𑖶 𑖷𑖸 𑖹𑖺 𑖼𑖽 𑗀𑖿 𑗁𑗂 𑗃𑗄 𑗅𑗆 𑗇𑗈 𑗉𑗊 𑗋𑗌 𑗍𑗎 𑗏𑗐 𑗑𑗒 𑗓𑗔

*) NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM_ TRĀṬ_ AMOGHA CAṆḌA MAHĀ ROṢAṆA SPHAṬYA HŪM TRĀMAYA TRĀMAYA HŪM TRĀṬ HŪM TRĀṬ

4_ Bát Động Kim Cang Trước Giáp Ấn Minh

Co Giới Phương (2 ngón vô danh) vào lòng bàn tay, cùng dính lưng nhau. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) vào lòng bàn tay cũng lại như vậy. Dựng sáu Độ (6 ngón tay còn lại) hợp **Tam Cổ Chử** (cái chày ba chia), mở cổ tay, ấn trên thân đánh, gia trì năm chỗ rồi bung tán trên đánh. Đấy gọi là **Kim Cang Giáp**.

Minh là:

“Úm hàm hồng, phạ nhật-ra tam ma duệ, phạ nhật-ra ca phạ chế hộ, phạ nhật-ra hồng phán tra”

𧇗 𧇗 獨 耜 忝 屹 互 份 耜 忝 咆 名 中 趨 耜 忝 獨 備 誑

OMĪ HAØMĪ HUØMĪ _ VAJRA-SAMAYE VAJRA-KAVAØCE HOHĪ _
VAJRA HUØMĪ PHATĪ

Dùng Minh Ấn này ấn năm chỗ, liền thành **Trước Giáp** (mặc áo giáp) tùy ý tắm rửa.

5_ **Bất Động Kim Cang Quán Đảnh Ấn Minh**

Giới Phương (2 ngón vô danh) Đan Huệ (2 ngón út) cài chéo nhau bên trong, dựng Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) hợp phụ Tiến Lực (2 ngón trỏ), Trí (ngón cái phải) vịn lưng Phương (ngón vô danh trái), Thiền (ngón cái trái) cũng như thế. Đây là **Bản Tôn Quán Đảnh Ấn**

Minh là:

“Nặng ma tất-đa-la dã địa-vĩ nghiệt đa nẫm, tát ra phạ đát tha, tô đá nẫm, hột-lị tát ra phạ mẫu đà na tì la ba ba la thấp ma tỳ sái kế, a tỳ sẩn giả đát mô nỗ đệ bá la phạ để vĩ ra dã lệ, sa-phạ ha”

Người tu Chân Ngôn mặc giáp hộ thân, tắm rửa mặc áo xong

Minh là:

“Úm hàm hồng, tác-phả tra da, tát hệ hồng, la ca sa, hàm phán tra”

𧇗 𧇗 獨 剌 誑 儂 屹 銀 獨 挽 朽 𧇗 備 誑

OMĪ HAØMĪ HUØMĪ _SPHATĪYA SAHYA HUØMĪ RAKSĪA HAØMĪ
PHATĪ

_ **Bất Động Kim Cang Chủ Ấn Chân Ngôn**, dùng ở hết thủy nơi đơ uest.

Người tu Chân Ngôn muốn đến các nơi đơ uest. Trước tiên dùng **Chủ Ấn** (Ấn cái chày) ấn năm chỗ là hai vai, trái tim, vầng trán, cổ họng, đánh đầu. Khi dùng ấn thời dùng **Minh** gia trì, đến trên đánh đầu thì bung tán

Tụng **Minh** là:

“Úm, a giả la ca nũa, chiến đồ sa đà da, hồng phán tra”

𧇗 晒 弋 躬 咆 仕 弋 汔 州 叻 儂 獨 備 誑

OM _ ACALA-KAᅇA CAᅇA-SÀDHAYA HÙM PHAT

KẾT HỘ ĐẠO TRÀNG _PHẨM THỨ TƯ_

1_ **Vô Động Kim Cang Tam Muội Da Ấn Minh**

Như vậy y theo Pháp tắm rửa xong, liền đi đến Tịnh Xá, dùng Tâm thanh tịnh, như thường chấp tay, dựng thẳng 2 độ Thiên Trí (2 ngón cái) để ở trên đánh, suy

ngũ chư Phật Bồ Tát như đối trước mặt. Buông thả Thân Tâm ấy, thả nhiên Thiên Duyệt vào Tam Muội Da

Minh là:

“**Nặng ma tát phạ mẫu đà mạo địa, tát đất-phạ nẫm. Na mạc tô tát địa sa đạt nễ, a nghiệt-lệ ca rô nễ, phạ ra đề đất ra dị, a bà duệ, a để ma lệ, na mãng tố-đô đế, ba la ma tát địa đà dã, kế tì dụ, ma ha cật-ly bế tệt, sa phạ ha**”

Thiền Trí (2 tay) kèm hợp Liên Hoa Chưởng

Gia trì **Bổn Minh** an trên trán

Suy nghĩ *các Pháp vốn chẳng sanh*

2_ Bất Động Oai Nộ Tịch Trừ Chương Nạn Ấn Minh.

Nguyện (ngón giữa trái) Lược (ngón trỏ trái) cùng dựng thẳng

Huệ (ngón út trái), Phương (ngón vô danh trái) như thế móc

Trí Độ (ngón cái trái) vịn như vòng

Dùng Nhẫn (ngón giữa phải) Tiến (ngón trỏ phải) như Kiếm

Xỏ vào trong bao Định (tay trái)

Đây tên **Vô Động Kiếm**



Kết hộ **Phương Ngung Giới**

Rút đao quay bên trái

Tịch trừ hết thủy Ma

Cầm kiếm xoay bên phải

Ngón dưới **Kim Cang Quyết**

Trên kết **Hư Không Giới**

Lại tụng **Bí Mật Minh**

“**Nặng ma tam mạn đá phạ nhật-ra noãn, đất-ra tra chiến đồ, ma ha lộ sái nũa, sa-phả tra da, hồng, đất-ra tra, ham hàm**”

巧休 屹互阢 向忝鍾祴泣誑 弋汔 互扣 勿好仕 剡誑儻 獨 泣誑 誑 赫

NAMAHĪ SAMANTA-VAJRAṀĪAṀMĪ _ TRAṀTĪ_ CANĪDĪA MAHAṀ
ROSĪANĪA SPHATĪYA HUṀMĪ TRAṀTĪ HAṀMĪ MAṀMĪ

Ngâm tụng 3 biến hoặc 7 biến, đem Ấn xoay theo bên phải là **Kết Hộ**, chuyển theo bên trái là **Tịch Trừ** cùng với trên dưới. Oai lực của Minh đầy hay ủng hộ lớn cho **Đại Giới** khắp mười phương cùng với **Hộ Thân** và **Tịnh Trừ nơi chốn**, cho đến **ba cõi**... còn hay phòng hộ được, hướng chi là Pháp đầy đã làm ở một phương, Thời tùy theo Hành Giả, Tâm niệm **Minh Ấn** với nơi hướng đến, hay khiến cho mọi mọi loài với quyền thuộc của Vông Lượng khó điều phục...đều nhìn thấy oai nộ của Kim Cang rực rỡ như đồng lửa lớn vòng khắp chốn ấy.

Công năng của Ấn này rất lớn, khó nói hết. Nếu người trụ ở đời nói công năng ấy thì cũng chẳng thể hết được. Đây gọi là **Vô Động Kim Cang Kiếm**, Ấn Minh này cũng dùng thông cho **Hộ Thân Kết Giới** của 5 Bộ

3_ Vô Động Kim Cang Năng Thành Tựu Nhất Thiết Sự Nghiệp Chử Ấn Minh.

Dựng mở **Chỉ** (?Quán)**Vũ Chuởng** (lòng bàn tay phải)
Thiền (ngón cái phải) Tiến (ngón trỏ phải) vịn như vòng
Đều dựng ngọn Kim Cang
Đẩy tên **Vô Động Chử** (chày Vô Động)



Lại tụng **Mật Ngôn** là:

“Năng ma tam mạn đa phạ nhật-ra noãn, chiến nĩa. Úm, a giả la, ca nĩa giả rô, sa đà da, hồng phán tra”

矧休 屹互阂 櫛忝冊 弋汜較 晒弋匡 皓仕 弋汜州 叻儻 獨 儻

*) NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆAM_ CAṆḌA _ OM ACALA KAṆA CAṆḌA SÀDHAYA HÙM PHAT

Chử Minh Ấn này hay thành tựu hết thảy sự nghiệp, cho đến tẩm gội, làm đất sạch cùng với Hộ Thân, Kết Giới đều dùng Minh Ấn này.

4_ Vô Động Kim Cang Tường Ấn Minh

Giôiì Phồông (2 ngón vô danh) Tieán Löic (2 ngón trỏ) co vào chồông (lợng bảøn tay)

Döing cãinh Nhaãn Nguyeãn (2 ngón giööa) vôiì Ñaøn Hueä (2 ngón uùt)

Co Thieàn (ngón cái phaùi) vòn vaìch döôi cuìa Tieán (ngón trỏ phaùi)

Trí (ngón cái traùi) vòn Löic (ngón trỏ traùi) cuõng nhö vaäy

Tụng **Minh** là:

“Úm, hàm hồng, phạ nhật-ra, mạn đồ lệ, bần đà bần đà, hồng phán tra”

較 誦 獨 耨忝 互汜同 栱咬栱咬 獨 儻

OMĪ HAḶMĪ HUḶMĪ, VAJRA-MANĪDĪALE BANDHA BANDHA VAJRA HUḶMĪ PHATĪ

Tụng Minh ba biến, đem Ấn chuyển theo bên trái 3 lần, tùy theo Tâm xa gần, liền thành tựu **Tường Giới**

5_ Vô Động Kim Cang Vớng Ấn Minh

Giới Phương (2 ngón vô danh) Tiến Lực (2 ngón trỏ) chéo bên trong
Sáu ngón dựng hợp dựa đầu ngón
Mở cổ tay, trên đánh chuyển ba vòng (theo bên phải)
Liên thành **Kim Cang Kiên Cố Vững**

Tụng **Minh** là:

“Úm ham hồng, phạ nhật-ra tát-la bộ phạ nễ mộ, hồng phấn tra”

Kết Ấn này xong, tụng Minh 3 lần, ở trên đánh xoay theo bên phải 3 vòng, liền thành **Võng Giới**

6_ Vô Động Kim Cang Hỏa Diễm Ấn Minh

Nghiêng hai lưng bàn tay, xoa nhau (cài chéo nhau)

Liên thành **Bổn Tôn Tam Muội Hỏa**

Hết thấy Ma quân đều bỏ chạy

Tụng **Minh** là:

“Úm hàm hồng, phạ nhật-ra nhập-phạ lệ, hồng phấn tra”

𣪗 𣪗 獨 善 忝 悟 同 獨 備 誑

OMĪ HAØMĪ HUØMĪ, VAJRA-JVALE HUØMĪ PHATĪ

Kết Hỏa Diễm Ấn này xong, tụng Minh 3 biến, ở bên ngoài bức tường Kim Cang xoay theo bên phải ba vòng, liền thành **Hỏa Viện**

CÚNG DƯỜNG _PHẨM THỨ NĂM_

1_ Vô Động Kim Cang Tọa Ấn Minh

Duỗi ngựa chưởng Định (lòng bàn tay trái) nâng lưng Huệ (bàn tay phải)

Hành Nhân tướng thành **Tòa Kim Cang** (Vajrasana)

Trên Tòa, an Ấn đã sanh ra

Hết thấy Thánh Giả đều tùy vui

Tụng **Minh** là:

“Úm hàm hồng, phạ nhật-ra sa nễ phạm, hồng phấn tra”

𣪗 𣪗 獨 善 忝 成 屹 矧 善 挾 獨 備 誑

OMĪ HAØMĪ HUØMĪ, VAJRA-AØSANAVAT HUØMĪ PHATĪ

Dùng Minh Ấn này gia trì Trú Xứ được thành đất Kim Cang chẳng hoại, liền ở trên đất tướng có **tòa Kim Cang**, liền dùng **như Lai Sở Sanh Ấn** an trí chư Phật Bồ Tát ở trên tòa Kim Cang, rồi vòng Ấn này lại, cúng dường chư Thánh

2_ Nhất Thiết Như Lai Sở Sanh Ấn Minh.

Kim Cang bền chắc, xoa (cài chéo nhau) bên trong

Đàn Huệ (2 ngón út) dựng mở **Sở Sanh Ấn**

Ấn này tên là **Công Đức Mẫu**

Phật Pháp Tăng Bảo trụ trong ấy
Thỉnh triệu Minh Vương với Bốn Tôn
Kết Bí Ấn này đều vân tập
Vòng Ấn này lại, hiến các Tôn

Liên thành **At Già** (Àrga) cúng dường phật

“**Năng ma tát phạ mẫu đà mạo địa tát đất phạ nẫm. A ma ra, vĩ ca-ra đa đế nhị nễ, a la thê, sa-phạ ha**”

Liên dùng **Như Lai Sở Sanh Ấn** này, tưởng làm At Già, phụng hiến chư Phật, Bồ Tát chư Tôn, Hiền Thánh. Thường làm Pháp này cúng dường thì mau được thành tựu.

Lại quán **Bất Động Thánh Giả** trụ Bốn Vị, dùng **Quán Đảnh Ấn Minh** lúc trước phụng hiến Bốn Tôn, liền tụng **Căn Bản Minh** một biến, hay khiến cho Thánh Giả hoan hỷ, mau được thành tựu viên mãn.

Lại Hành Giả Trì Minh, tiếp đến kết **Tam Muội Da Ấn** an trên đảnh (Ấn như lúc trước đã nói). Liên tưởng tự thân như Bốn Tôn ngồi trên hoa sen tám cánh, tay bưng lư hương, tức khiến cho ba Nghiệp yên lặng không có não loạn, đi đến Tịnh Xá, tới cửa Đạo Tràng, ba lần xưng chữ **Hồm** (HUM) cảnh giác chư Thánh.

Vào Tònh Xaù xong, tiếp theo neân nhö thồoøng: Leã Saùm, phuing hieán Aùt Giaø. Neân tauc Nieäm naøy:

“Nay Ta nên xả bỏ toàn thân cúng dường mười phương ba đời thường trụ Tam Bảo chúng hội Đạo Tràng. Cúi xin hết thảy chư Phật, Bồ Tát ban cho con làm Đại Gia Trì thành tựu tối thượng, được thành **Kim Cang Tát Đỏa Tát Địa**. Do cần được nghiệp thọ, cho nên thỉnh cầu gia hộ”

Như vậy thưa bạch 3 lần rồi ngưng (v.v...)

Lại dùng **Chữ Ấn** như lúc trước Kết Giới gia trì tòa Bốn Tôn, dùng **Như Lai Sở Sanh Ấn** phụng hiến chư Phật Bồ Tát. Mỗi ngày 3 thời như Pháp cúng dường, hoặc có thời quên niệm, thiếu sót Pháp Tắc tức phạm vào **Tam Muội Da**. Trước tiên tụng **Đại Luân Kim Cang Minh** với kết **Đại Luân Ấn** để trừ tội ấy, sám tạ tội lỗi ấy.

3_ Đại Luân Kim Cang Sám Hồi Ấn Minh

Như vậy y Pháp **Kết Hộ** xong

Đều có khuyết phạm **Tam Muội Da**

Mật trì **Tô Ma Kim Cang Minh**

Bốn thời sám hối các lỗi lầm

Giới Phương (2 ngón vô danh) Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc bên trong

Sáu ngón dựng hợp **Kim Cang Luân**

Kết Ấn Minh này an trên đảnh

Xoay phải ba vòng, tạ lỗi ấy

Tụng Minh là:

“**Năng ma tát-đế-li da, địa vĩ ca nẫm, tát phạ đất tha nga đa nẫm. Úm, vĩ ra nhĩ vĩ ra nhĩ, ma ha chước ca la, phạ nhật-ra, tát đá tát đá, sa la đế sa la đế,**

đát-ra duệ, đát-ra duệ, vĩ đà ma nễ, tam bàn nhược nễ, đát-ra ma đế, tát đà, a hột-li duệ, đát-li lam, sa-phạ ha”.

巧休 樽伏盞乙觥 凹卡丫出觥 較 合先元 合先元 互扣弋咒向忝
屹凹 屹凹 屹先包 屹先包 氛件 氛件 合叻互凸 戌兵介市 氛互凸
帆溪 挑奄份 沼 送扣

NAMAHI STRIYADHVIKAØNAØMI TATHAØGATAØNAØMI - OMĪ –
VIRAJI VIRAJI, MAHAØ- CAKRA-VAJRA, SATA SATA, SARATE SARATE,
TRAYI TRAYI, VIDHAMATI SAMĪBHAMIJANI TRAMATI, SIDDHA, AGRIYE,
TRAMI – SVAØHAØ.

Người trì Chân Ngôn **Kết Hộ** xong, đều có khuyết phạm **Tam Muội Da**, nên kết Ấn này an trên đỉnh, tụng Minh 3 biến hoặc 7 biến, xoay theo bên phải 3 vòng sám tạ các lỗi, sau đó niệm tụng **Bổn Tôn Minh**

4_ Vô Động Kim Cang Mãn Túc Ấn Minh.

Chắp tay giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) trụ móng ngón

Đây tên **Bổn Tôn Mãn Túc Ấn**

Các thứ cúng dường và đồ hương (hương xoa bôi)

Hương đốt, đèn sáng, thức ăn uống

Cúng dường thượng diệu, việc cát tường

Trì niệm Ấn này đều tròn đủ.

Tụng **Minh** là:

“Năng ma tát-đế-li-dã đà-phạ nghiệt đá nẫm, tát phạ đát tha nghiệt đá nẫm. Âm vĩ đá li, ma ha phạ nhật-la, tát đát tát đát, sa ra đế sa ra đế, sa phạ ha”

巧休 樽伏壙丫出觥 屹笄 凹卡丫出觥 較 合先元 互扣向忝 屹凹
屹凹 屹先包 屹先包 送扣

NAMAHI STRIYA-DHVAGATÀNÀM SARVA TATHÀGATÀNÀM - OMĪ –
VIRAJI MAHÀ-VAJRA, SATA SATA, SARATE SARATE– SVÀHÀ.

Lại dùng Ấn Minh này, tưởng châu báu trên bờ dưới nước với vật của nhóm núi báu, báu màu nhiệm trong biển, Ma Ni Hoa Thọ Vương...thấy đều không có chủ đã nhiếp lấy. Dùng sức Phước Đức của ta, sức gia trì của chư Phật, cúng dường hết thấy chư Phật Bồ Tát đầy đủ **Thượng Nguyên**.

5_ Đồ Hương Cúng Dường Ấn Minh

Ấn như lúc trước, tụng **Minh** là:

“Năng ma tát-đế-li-dã đa-phạ nghiệt đá nẫm, tát phạ đát tha nghiệt đá nẫm. A tam ma nạng độ đát mê, tổ nạng đà phạ đế, tát-phả ra mãnh hàm, nga nga nẫm, ma hộ na duệ nê vĩ, tát phạ lật tha, sa đà nễ, sa-phạ ha”

6_ Thiêu Hương Cúng Dường Ấn Minh

Tụng Minh là:

“Năng ma tát-để-lị-dã đa-phạ nghiệt đá nẫm, tát phạ đát tha nghiệt đá nẫm. Úm, a nghiệt lị, a nghiệt lị, thủy khí thủy khí nam, tát phạ đát độ ma thủy khí, sa-phạ ha”

巧休 樽伏益丫出觥 屹楠凹卡丫出觥 涸 晒奄 圪刁圪刁 掬正圪刁
掬正圪刁 颯扣

NAMAḤ STRIYA-DVAGATÀNÀM SARVA TATHÀGATÀNÀM _ OM
AGRI 'SIKHI 'SIKHI, DUPAM 'SIKHI DUPAM 'SIKHI SVÀHÀ

7_ Hoa Cúng Đường Ấn Minh

Tụng Minh là:

“Năng ma tát-để-lị-dã đa-phạ nghiệt đá nẫm, tát phạ đát tha nghiệt đá nẫm. A phạ lộ chỉ-đá, ma ha bố sáp-ba phạ để, sa-phạ ha”

巧休 樽伏墉丫出觥 屹筦 凹卡丫出觥 晒善吐丁悃 互扣旦鹿 善凸 颯扣

NAMAḤ STRIYADHVA-GATÀNÀM SARVA TATHÀGATÀNÀM -
AVALOKITA MAHÀ-PUṢPA VATI SVÀHÀ

8_ Âm Thực Cúng Đường Ấn Minh

Tụng Minh là:

“Năng ma tát-để-lị-dã đa-phạ nghiệt đá nẫm, tát phạ đát tha nghiệt đá nẫm. Úm, a ra bà, a ra bà, ca ra ca ra, phạ lị phạ lị, phạ lân phạ lân, na đà tỳ, ma ha phạ lị, sa-phạ ha”

9_ Đẳng Cúng Đường Ấn Minh

Tụng Minh là:

“Năng ma tát-để-lị-dã đa-phạ nghiệt đá nẫm, tát phạ đát tha nghiệt đá nẫm. A lam đế nễ-phạ lam đế nễ ba nho để, thủy khí, sa-phạ ha”

10_ Phổ Trang Nghiêm Cúng Đường Minh Ấn

Tụng Minh là:

“Năng ma tát bà mẫu đà, bồ địa tát đỏa phạ nẫm. Tát bà tha, ô-đặc già đế, tắc phá la hứ hàm, già già na kiếm, sa-phạ ha”

矧休 屹涸 蓑溪 悞囚屹霏觥 屹涸卡 梁恂包 剡掬 托伐 丫丫矧入 颯扣

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHI-SATVÀNÀM_ SARVATHÀ
UDGATE SPHARA HÌMAM GAGANAKAM SVÀHÀ

Sức của Trì Minh này hay sanh ra báu Như Ý cúng dường hết thủy chư Phật Bồ Tát Chúng Hội. Do sức Phước Đức của **Tán Thán** này khiến cho cúng dường này tràn khắp cả hết thủy chư Phật Bồ Tát Chúng Hội.

Tán Thán Minh là:

“Năng ma tát bà mẫu đà bồ địa tát đỏa phạt năm (1) tát bà đất lộ tăng câu tát nhĩ đá (2) tỳ chỉ-nhạ la thủy phệ (3) na mô tố đô đế, tát-phạ ha (4)”

Lại tụng **Vô Động Minh Vương Căn Bản Minh** 3 lần, hay khiến cho Thánh Giả hoan hỷ ban cho Nguyện, mau được viên mãn **Bồ Đề**.

_ Tiếp theo, liền sám hối các nghiệp lúc trước, hết thấy tội chướng nguyện đều tiêu diệt

Lại Nguyện như vậy: “Nay con có hết thấy tất Thiện Nghiệp đều hồi thí cho chúng sanh trong Pháp Giới. Khiến cho Nguyện này của con mau được thành tựu **Vô Thượng Bồ Đề**, đủ **Nhất Thiết Chủng Trí**”

Lại tụng **Gia Trì Minh** này 8 biến.

Minh là:

“Năng ma tát đỏa phạt năm. Na mô tố đô đế ma ha phạt nhật-la tát bà tát đỏa phạt, tứ lộ ca la, đế sắt tha, tát bà đất ra lệ phệ, đạt ra ma ma nĩa, địa sắc tha da, sa-phạ ha”.

Như trên cúng dường gia trì **Bổn Tôn** xong, kết **Quán Đảnh Ấn** lúc trước mà tự quán đảnh.

11_ Vô Động Kim Cang Hư Không Bộ Mẫu Ấn.

Kết **Hư Không Minh Ấn** này, dùng Hộ Thân với hộ **Bổn Tôn**, cho nên gọi là **Bộ Mẫu**, cũng gọi là **Hư Không Nhãn**.

Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc vào **Liên Hoa Chưởng**

Tức tên **Hư Không Bộ Mẫu Nhãn**

Dùng Ấn Hộ Thân với hộ **Bổn Tôn**

Hai tay chia mở **Niệm Châu Ấn**

Cũng tên **Thánh Giả Hư Không Nhãn**

Minh là:

“Năng ma tát-đế-ly dã đa-phạ nĩa nghiệt đế tệt, tát phạt đất tha nghiệt đế tệt. Úm, nga nga na, lộ giả nễ, nga nga na tam ma, tát phạt đô lỗ nghiệt đá, đế sa ra tam bà phệ, nhập-phạ la. Na mô a mô già năm, sa-phạ ha”

巧休 樽伏墉鉅丫包漳 屹筦 凹卡丫包漳襌駘 丫丫巧 吐旄弁襌 丫丫巧
屹互襌 屹濇沽恂出石州先 戍矛吒襌 詞匡 巧伏 挑叉脩襌 颯扣振

*)NAMAḤ STRIYADHVAN-GATEBHYAḤ SARVA
TATHĀGATEBHYAḤ OMĪ GAGANA-LOCANE, GAGANA-SAMA_
SARVATRA UDGATA ABHISAØRA SAMĪBHAVE JVALA_ NAMO
AMOGHAØNAØMĪ_ SVAØHAØ

12_ Vô Động Kim Cang Pháp Giới Sanh Ấn Minh

Giới Phương (2 ngón vô danh) Tiến Lực (2 ngón trỏ) xoa (cài chéo nhau) bên trong

Sáu ngón dựng hợp trụ đầu ngón

Hở cổ tay gia trì hai cánh tay
Nâng Ấn dần đến đánh bung mở
Chân Ngôn Tất Địa từ đây sanh
Cho nên tên là **Pháp Sanh Ấn**
Kết Ấn gia trì, tụng **Minh** là:

“Năng ma tát phạ mẫu đà mạo địa tát đất phạ nẫm. A tát la phạ tha, tát la phạ đa ra lộ kế, sa-phạ ha”

矧伏 屹澗 蒸溪 悞囚屹班船 璇 屹濤卡 屹濤氛吐了 颯扣

NAMO SARVA BUDDHA BODHISATVAØNAØMĩ _ AHĩ SARVATHAØ
SARVA TRALOKE SVAØHAØ

Pháp Sanh Ấn từ Tâm Bồ Đề bất động của hết thảy Như Lai sanh ra, từ Bốn Nguyên Đại Bi sanh ra, từ miệng của Phật sanh ra, từ Pháp hóa sanh, cho nên gọi là Pháp Sanh Ấn.

_ Tiếp đến, tụng **Hư Không Bộ Mẫu Nhân Minh** 7 biến, liên quán hết thảy chư Phật Bồ Tát như ở ngay trước mặt, tay cầm số châu (tràng hạt) như Pháp niệm tụng

Như vậy rộng làm Phật Sự xong, nên kết **Bổn Tôn Căn Bản Tam Muội Gia Ấn**, trước tiên tụng **Kim Cang Bách Tự Minh Chân Ngôn** để khiến cho gia trì chẳng nghiêng động.

13_ Niệp Sở Châu Minh Ấn

Ấn ấy dựa theo **Bộ Mẫu Ấn** lúc trước, chia mở hai bàn tay, tức là Ấn này vậy.

Tụng **Minh** là:

“Năng ma phạ nhật ra-mục khô tệt, tát phạ đất tha nghiệt đế tì-du, bà già phạm đặc phạ tệt, đất địa dã tha, kiêu li, kiện đà li, chiến đồ li, ma đặng nghĩ, tân nga li, đất tha già đa phệ-duệ, sử đất ma để hồng, nhập-phạ li ma đế, thệ y năng ca la diễm câu rô, sa-phạ ha”.

14_ Vô Động Kim Cang Căn Bản Tam Muội Da Ấn Minh (Cũng gọi là **Căn Bản Thân Ấn**)

Sáu ngón hòa hợp, xoa (cài chéo nhau) bên trong

Duỗi thẳng Tiến Lực (2 ngón trở) trụ đầu ngón

Co Trí Độ (ngón cái trái) vịn lưng Phương Tiện (Ngón vô danh trái)

Thiền (ngón cái phải) vịn lưng Giới (ngón vô danh phải) cũng như vậy

Nên tụng **Kim Cang Bách Tự Minh**

Gia trì tự thân, trụ bền chắc

Lại tụng **Bổn Minh** thành **Tất Địa** (siddhi)

Chân Ngôn là:

“Úm, a tam ma, a tam ma, tam mạn đá đô na đá đất phạ bí để xá na nể, ha ra ha ra, sa-ma ra nũa, sa-ma ra nũa, vĩ nghiệt đá, mẩu đà, đạt ma đế, tát ra tát ra, tam ma phạ la, hà ra hà ra, phù sa phù sa, đất ra da, đất ra da, già na già na, ma ha phạ ra, ra ca-sa nể, nhập-phạ ra na, nhập-phạ ra na, sa già lệ, sa-phạ ha”.

Tụng **Bách Tự Minh** gia trì.

_ Lại quán hết thấy chư Phật Bồ Tát ở ngay trước mặt Hành Giả, nhiếp thọ mọi thứ cúng dường rộng lớn thành tựu như lúc trước. Ấy là hết thấy Tất Địa đã mong cầu trong đời hiện tại, tên là **Tối Thắng Tất Địa**, cũng gọi là **Kim Cang Tát Đỏa Tất Địa**.

_ Lại tác Nguyện này:

“Nguyện đem Công Đức này
Phổ cập (phổ biến truyền bá) cho hết thấy
Chúng con với chúng sanh
Đều cùng thành Phật Đạo”

Mỗi ngày 3 thời niệm tụng, mỗi thời ít nhất là 108 biến, nếu ít hơn thì không thành.

Niệm tụng xong, dùng **Hư Không Nhãn Chân Ngôn** với **Ấn** gia trì Bốn Tôn khiến hoan hỷ ban cho Nguyện, cũng khiến bền chắc không tan rã.

Sau đó, tụng **Căn Bản Ấn Minh** là:

Thủ Ấn ấy dựa theo **Căn Bản Tam Muội Da** lúc trước. Hai tay từ ngón giữa trở xuống, đều hướng vào bên trong cài chéo nhau, liền làm móc câu, hai ngón trở cùng dựa cạnh ngón, hai ngón cái đều vịn móng ngón vô danh, liền thành. Tụng **Căn Bản Minh** ba biến.

ÑĒẢ LÒ TAM MUOÄI DA BAÁT ÑOÄNG TOÄN THAÙNH GIAÛ
NIEÄM TUÏNG BÍ MAÄT PHAÙP
QUYEÄN TRUNG (Heát)